

NHIỆM VỤ CỦA DỰ THẨM



LS NGÔ VĂN TIẾP

Một sự khác biệt với luật pháp Mỹ là nền tư pháp Việt Nam Cộng Hoà ngoài Thẩm Phán Xử Án, Thẩm Phán Công Tố còn có Dự Thẩm.

Nền tư pháp của Việt Nam Cộng Hoà lúc đầu ảnh hưởng của hệ thống Pháp La tinh, Thẩm Phán Xử Án và Thẩm Phán Công Tố đều trực thuộc bộ Tư Pháp tức thuộc ngành hành pháp.

Các vị thẩm phán xưa kia là các quan tri huyện tỉnh có quyền cai trị dân và sau khi Pháp trao trả độc lập, được đổi sang ngành tư pháp là thẩm phán.

Với Hiến Pháp 18-3-1967, Tối Cao Pháp Viện Việt Nam ra đời. Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp được coi như tam quyền phân lập.

Riêng về tư pháp, điều 76 Hiến Pháp minh định: Quyền tư pháp độc lập, được ủy nhiệm cho Tối Cao Pháp Viện và được hành xử bởi các Thẩm Phán Xử Án.

Theo điều 78 Hiến Pháp VNCH nói về ngành tư pháp:

Khoản 2.Thẩm Phán Xử Án quyết định theo lương tâm và pháp luật dưới sự kiểm soát của Tối Cao Pháp Viện.

Khoản 3.Thẩm Phán Công Tố theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng dưới sự kiểm soát của Bộ Tư Pháp.

Điều luật trên không nhắc gì đến Dự Thẩm. Nhưng chúng ta không thể phủ nhận quyền chuyên biệt của của Biện Lý trong sự phân phối hồ sơ thẩm cứu cho Dự Thẩm. Dự Thẩm là một thẩm phán xử-án, vậy Dự Thẩm trực thuộc Tối Cao Pháp Viện.

NHIỆM VỤ CỦA DỰ THẨM:

Một hồ sơ có dẫn trình can phạm đến Biện Lý Cuộc, sau khi xem xét hồ sơ, Biện Lý sẽ có thể có các quyết định như sau:

1) Áp dụng thủ tục trực tố: Đó là trường hợp khi thấy hồ sơ đã quá rõ ràng và tội trạng là khinh tội, Biện Lý phê trực tố: Cảnh sát dẫn giải, sẽ tha ngay bị can tại Biện lý cuộc. Các bị can được thả về và được cấp một giấy thông báo ngày ra toà vào một phiên toà hình (xử về trực tố).

Các can phạm do thủ tục trực tố bởi Thừa Phát Lại cũng được đăng đường vào phiên toà trực tố này.

2) Áp dụng thủ tục quả tang: Khi thấy hồ sơ đầy đủ tình tiết và tội phạm thuộc loại tiêu hình, Biện lý sẽ phê chuyển đến phiên toà quả tang để công nhận trát giam. Các bị can sẽ bị truyền tạm giam vào khám đường địa phương. Hồ sơ này sẽ được đăng đường vào một phiên toà xử về công nhận trát giam. Tại phiên xử công nhận trát giam: Một số bị can sẽ được tạm tha cho về để chờ ngày hầu toà, một số bị công nhận trát giam và tiếp tục bị giam và sẽ được xét xử vào phiên xử kế tiếp. Thí dụ trong một vụ các can phạm bị bắt quả tang trong một vụ đánh bạc. Tối “phiên công nhận trát giam”, Tòa thường cho các con bạc được tại ngoại và thường chỉ tiếp tục giam người chủ sòng cho đến phiên xử quả tang chính thức.

3) Thủ tục thẩm vấn: Khi hồ sơ có liên quan đến tội đại hình, hoặc hồ sơ có tầm vóc rộng lớn Biện Lý sẽ phê giao hồ sơ và can phạm cho Phòng Dự Thẩm. Thí dụ vụ điều tra sự tẩu tán tiền ký thác của thân chủ của Tín Nghĩa Ngân Hàng. Một vụ có liên quan đến các chi nhánh ngân hàng Tín Nghĩa tại 45 tỉnh miền Nam và Tổng Giám Đốc Ngân Hàng đang là đương kim dân biểu Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà. Vụ này đã được Chánh Biện Lý Toà Sơ Thẩm Saigon chuyển giao toàn nội vụ cho Phòng Dự Thẩm Niên Trưởng Toà Sơ Thẩm Saigon.

4) Cần chuyển phòng Dự Thẩm để tiếp tục điều tra thêm: Khi trường hợp một hồ sơ cần điều tra thêm và Biện Lý Cuộc muốn Dự Thẩm thẩm cứu và chỉ thị cho các Hình Cảnh Lại dưới quyền tiếp tục điều tra thêm cho sáng tỏ nội vụ.

Như vậy, chúng ta thấy vai trò của Dự Thẩm trong hệ thống pháp luật của Việt Nam Cộng Hoà trong việc điều hành công lý giúp cho Toà án có thêm bằng cứ để xét xử.

A. DỰ THẨM LÀ MỘT CƠ QUAN THẨM VẤN:

1)Thẩm quyền thẩm vấn: Theo điều 71 HSTT : Về trọng tội, bắt buộc phải có cuộc thẩm vấn; về khinh tội, sự thẩm vấn có tính cách nhiệm ý, trừ phi luật quy định khác, về vi cảnh có thể thẩm vấn, nếu Biện Lý yêu cầu chiếu điều 36 Bộ Hình Sự Tố Tụng.

2) Dự Thẩm là một Thẩm phán xử án nghĩa là có quyền tham dự vào công việc xét xử. Thí dụ như ngồi Chánh Thẩm hay phụ thẩm trong các vụ xử về đại hình, nhưng bị một hạn chế là không được tham dự vào các công việc xét xử những vụ đã do chính mình đã thẩm vấn; nếu không, việc xét xử sẽ vô hiệu (điều 72 Hình Sự Tố Tụng)

3) Một giới hạn về thẩm quyền của Dự Thẩm: Dự Thẩm chỉ có thể thẩm vấn khi có lệnh trạng của Biện Lý (điều 74 HSTT). Khi một hồ sơ ở cơ quan điều tra sơ vấn (sở cảnh sát địa phương) đưa lên Biện Lý Cuộc, Ông Biện Lý sau khi xem xét hồ sơ sẽ ghi chuyển qua Dự Thẩm có nghĩa là yêu cầu Dự Thẩm thẩm vấn các can phạm liên quan đến nội vụ. Sau phiên hỏi cung lần đầu có Lục sự phòng Dự Thẩm ghi chép với sự dự kiến của Luật Sư nhiệm cách, Dự Thẩm sẽ ra lệnh cho tạm tha hoặc ký trát tổng giam vào trại giam nơi địa phương thuộc quản hạt.

4) Dự Thẩm sau khi thẩm vấn có quyền khởi tố đích danh một người nào hay khởi tố vô danh. Dự Thẩm có quyền khép tội không những thủ phạm mà cả đồng bọn hay tông phạm liên quan đến những sự kiện được thụ lý. Thí dụ trong một vụ biển thủ tiền ký thác của các chủ các trương mục, khi điều tra Dự Thẩm đã khám phá ra các Thanh Tra Ngân Hàng cũng có trách nhiệm, Dự Thẩm lập tức thông tri ngay cho Biện Lý Cuộc sự kiện này để tùy nghi truy tố. (Điều 74 đoạn 4 HSTT).

B. HỎI CUNG VÀ ĐỐI CHẤT:

Khi lấy cung lần đầu, Dự Thẩm xác định lý lịch của bị can, cho y biết từng sự kiện y bị qui trách và đồng thời báo cho bị can là y có quyền trả lời và quyền không trả lời. Biên bản phải ghi rõ là bị can đã được báo như vậy. Nếu bị can muốn cung khai, Dự Thẩm phải lập tức tiếp nhận lời khai. Bị can cũng như Dân Sự Nguyên Cáo đều có quyền có Luật sư.

Điều 108 HSTT Dự Thẩm phải để cho bị can cùng nhân chứng tự do cung khai và điều 109 HSTT ghi rõ: Ngay sau khi cung khai lần đầu, bị can bị tạm giam có quyền liên lạc với luật sư. Dự Thẩm có quyền cấm bị can tiếp xúc với mọi người trong thời hạn (10) ngày và chỉ có thể gia hạn thêm (10) ngày nữa mà thôi. Trong mọi trường hợp, lệnh cấm này không áp dụng với Luật Sư.

Điều 110 HSTT: Ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc thẩm vấn, bị can cũng như dân sự nguyên cáo có thể cho Dự Thẩm biết tên Luật Sư mà họ lựa chọn. Nếu có nhiều Luật sư, phải cho biết một Luật sư được chọn để tiếp nhận trách nhiệm và giấy tờ tổng đạt.

Điều 111 HSTT Bị can và Dân Sự Nguyên Cáo chỉ có thể bị chấp cung hay đối chất với sự dự thính của Luật Sư, trừ phi họ minh thị khước từ quyền ấy, hay luật sư được mời hợp lệ mà không tới. Luật sư được mời trễ lắm là bốn mươi tám (48) giờ trước ngày thẩm vấn.

Hồ sơ phải để Luật Sư tham khảo ít nhất hai mươi bốn (24) giờ trước khi thẩm vấn bị can cũng như dân sự nguyên cáo.

Biện Lý cũng có thể dự kiến các cuộc hỏi cung và đối chất tại phòng Dự Thẩm nhưng phải báo Dự Thẩm biết trước ý định ấy. Trong trường hợp này, lục sự phòng Dự Thẩm phải gửi giấy mời ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước ngày thẩm vấn (điều 112 HSTT)

Biện Lý cũng như Luật Sư của bị can và của dân sự nguyên cáo được nêu câu hỏi. Nếu Dự Thẩm từ chối, nguyên văn câu hỏi phải được chép lại hay đính theo biên bản hỏi cung. (điều 113 HSTT).

Theo điều 115 HSTT Biện Lý cũng như Luật Sư của bị can và của Dân sự nguyên cáo, trong suốt thời gian thẩm vấn, đều có thể kết luận viết yêu cầu Dự Thẩm hỏi thêm các nhân chứng khác, cho đối chất, truyền mở cuộc giám định và thực hiện bất cứ một hành vi thẩm vấn nào xét ra cần thiết và có lợi ích cho bị can hay dân sự nguyên cáo.

Dự Thẩm phải quyết định trong thời hạn (5) ngày kể từ ngày nhận kết luận. Quá hạn đó kể như thỉnh cầu điều tra bổ túc của đương sự đã được mặc nhiên chấp nhận và Dự Thẩm phải thi hành.

Nếu khước từ những lời yêu cầu điều tra bổ túc, Dự Thẩm phải ra án lệnh có viện dẫn lý do. Cũng như Biện Lý, bị can hoặc dân sự nguyên cáo có thể tùy ý hoặc nhờ Luật sư của họ kháng cáo lên Phòng Luật Tội.

C. QUẢN HẠT CỦA DỰ THẨM:

Dự Thẩm của Tòa nào có thẩm quyền? Theo điều 75 HSTT: Dự Thẩm nơi xảy ra vụ phạm pháp, hoặc Dự Thẩm nơi cư sở của một trong những nghi can, hoặc Dự Thẩm nơi bắt được người bị tình nghi phạm pháp, dù người này bị bắt vì một duyên cớ khác, đều có quyền thẩm vấn.

D. QUYỀN ỦY THÁC HỎI CUNG:

Nếu không thể tự mình làm một hành vi thẩm vấn nào, Dự Thẩm có thể ủy thác hỏi cung:

Điều 155 HSTT ghi như sau: Dự Thẩm có thể ủy thác một thẩm phán đồng tòa hay một hình cảnh lại thuộc quản hạt của tòa ấy sau khi thông báo cho Biện lý hay Dự Thẩm một Tòa án khác biết, để hỏi cung hay thi hành một hành vi thẩm vấn cần thiết ở các nơi thuộc thẩm quyền của viên chức được ủy thác.

Tờ ủy thác chỉ rõ tính chất tội trạng, phải có nhật ký, ấn ký của Dự Thẩm ủy thác, và chỉ có thể yêu cầu thực hiện những hành vi thẩm vấn liên quan trực tiếp đến hành vi phạm pháp bị truy tố.

Điều 156 HSTT ghi: Thẩm phán hay Hình Cảnh Lại thụ ủy, trong giới hạn sự ủy thác, có quyền hành của một Dự Thẩm. Tuy nhiên, Hình Cảnh Lại không có quyền lấy cung hay đối chất bị can, và chỉ được chấp cung dân sự nguyên cáo nếu người này yêu cầu.

E. GIỚI HẠN QUYỀN THẨM VẤN CỦA DỰ THẨM:

Điều 74 HSTT: Dự Thẩm chỉ có thể thẩm vấn khi có lệnh trạng của Biện Lý. Lệnh trạng có

thể khởi tố đích danh một người nào hay khởi tố vô danh. Dự Thẩm có quyền khép tội không những thủ phạm mà còn cả đồng phạm hay tòng phạm liên quan đến những sự kiện được thụ lý. Nếu Dự Thẩm được biết có những sự kiện không bị truy tố theo lệnh trạng, thì phải lập tức thông tri Biện Lý các đơn khiếu tố hoặc biên bản ghi nhận những sự kiện ấy.

F. THÂN ĐÁO TRƯỜNG SỞ, KHÁM XÉT VÀ SAI ÁP:

Điều 87 HSTT: Sau khi thụ lý bởi khởi tố lệnh trạng và cáo tri cho Biện Lý, Dự Thẩm có thể thân đảo trường sở để kiểm chứng và khám xét phạm trường. Biện Lý có thể cùng đi với Dự Thẩm. Dự Thẩm khi đi thân đảo trường sở luôn luôn có lục sự phụ tá và phải lập biên bản về mọi tác vụ. Dự Thẩm có quyền khám xét bất cứ nơi nào có thể tìm ra những đồ vật cần thiết cho việc phát huy sự thật (điều 89 HSTT). Nếu khám xét nhà của bị can, Dự Thẩm phải tuân theo những thể thức dự liệu nơi điều 51 và 53.

Điều 91 HSTT: Khi khám xét một nhà khác, không phải nhà của bị can, gia chủ phải được mời dự kiến. Nếu người này vắng mặt hay từ khước, việc khám xét sẽ được thực hiện trước sự hiện diện của hai người trong thân thuộc hay thích thuộc của gia chủ có mặt tại chỗ hoặc hay người chứng.

Tuy nhiên, trước hết Dự Thẩm phải thi hành mọi biện pháp cần thiết để tôn trọng bí mật nghề nghiệp và quyền bào chữa của bị can

G. TRÁT TẠM GIAM:

Như trên chúng ta đã có dịp sơ lược diễn tiến một vụ kiện có các can phạm bị cơ quan điều tra sơ vấn dẫn trình đến Biện Lý Cuộc và được chuyển sang phòng Dự Thẩm theo hồ sơ, các bị can nào cũng sợ sau khi Dự Thẩm lấy lời khai có thể bị ký trát tống giam vào khám đường.

Thực tế người viết có cơ hội được biết Toà Sơ Thẩm Saigon có thời gian có 7 phòng Dự Thẩm có tên 2 vị Dự Thẩm làm các can phạm dễ bị dị ứng lo sợ là Dự Thẩm Trần An Bài (vói tên của vị này khiến người bị gọi vào hỏi cung tại phòng này thường suy nghĩ mọi sự đã an bài là có bị tống giam hay không một sự an bài không nên suy nghĩ nhiều) và phòng Dự Thẩm Trần Chí Hoà và Lục sự tên là Chiêm Côn Sơn (Khi nghe tên của 2 vị này người ta nghĩ ngay đến Khám Chí Hòa (tên khám đường Saigon lúc bấy giờ và Côn Sơn là tên đảo có trại giam Côn Sơn, vậy khi bị vào phòng này hỏi cung, người ta liên tưởng đến khám đường Chí Hòa, và trại giam Côn Sơn ở Côn đảo).

Đó là suy nghĩ có tính cách dị đoan. Thực tế vị Dự Thẩm nào cũng phải áp dụng luật pháp một cách nghiêm chỉnh. Ngoài ra, nguyên tắc lương cấp tài phán luôn luôn được áp dụng. Mọi quyết định của phòng Dự Thẩm đều có thể thượng tố lên Phòng Luận Tội của Toà Thượng Thẩm.

Chiếu điều 138 HSTT cho phép Dự Thẩm quyền ký trát tạm giam như sau:

Về khinh tội, thời gian giam cứu sau lời hỏi cung lần đầu không thể quá mười lăm (15) ngày: nếu là khinh tội mà mức tối đa hình phạt giam dự liệu dưới hai (2) năm (bị can có nghề nghiệp, địa chỉ chắc chắn, chưa bị kết án về trọng tội hay chưa bị phạt giam quá ba (3) tháng về khinh tội thường luật).

Cũng về khinh tội, bị can có thể được tự do tạm sau khi hỏi cung khinh tội đó có mức tối đa hình phạt giam bằng hay quá hai (2) năm. Bị can cũng phải chưa có tiền án quá ba (3) tháng giam về các tội cố ý và có nghề nghiệp cùng địa chỉ chắc chắn. Nếu là nữ bị can có thai trên 3 tháng cũng có thể cho tại ngoại, dĩ nhiên phải có địa chỉ chắc chắn.

1) Duy trì sự tạm giam

Điều 139 HSTT.Đối với khinh tội mà mức tối đa hình phạt giam bằng hay quá hai (2) năm và nếu biện pháp kiểm soát tư pháp không đủ đáp ứng nhu cầu dự liệu nơi điều 130, Dự Thẩm có thể ra lệnh hay duy trì tạm giam những trường hợp sau:

a/ Sự tạm giam là biện pháp duy nhất để bảo lưu bằng có hay chứng tích vật thể hoặc để tránh cho nhân chứng khỏi bị áp lực, hoặc để ngăn ngừa những âm mưu giữa bị can và đồng lõa;

b/) Sự tạm giam xét ra cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng khỏi bị phá rối do sự phạm pháp gây ra, hoặc để che chở bị can, hoặc để chấm dứt sự phạm pháp hoặc để ngăn ngừa sự tái phạm cũng như để bảo đảm sự xuất hiện của bị can trước tòa.

Cũng có thể tạm giam theo những điều dự liệu nơi điều 136 HSTT là trong trường hợp bị can không tuân hành trách vụ về kiểm soát tư pháp.

Sự tạm giam không thể quá bốn (4) tháng.Tuy nhiên, Dự Thẩm có thể ra án lệnh có viện dẫn lý do triển hạn tạm giam.Sự tạm giam chỉ được triển hạn một lần không quá bốn (4) tháng. Điều quan trọng là để ký các án lệnh triển hạn này phải chiếu kết luận của Biện Lý.

2) Tự do tạm cho bị can

Dự Thẩm chiếu điều 141 HSTT, dù trọng tội hay khinh tội, Dự Thẩm có thể, chiếu ý kiến của Biện Lý ký án lệnh cho bị can tự do tạm với điều kiện phải chịu sự kiểm soát tư pháp hay không có biện pháp này Bị can được tự do tạm phải cam kết trình diện mỗi khi được gọi cũng như phải báo cho Dự Thẩm biết mỗi khi di chuyển.

Điều 142 HSTT: Biện Lý bất cứ lúc nào cũng có thể yêu cầu Dự Thẩm cho bị can tự do tạm như trên. Dự Thẩm phải quyết định trong

thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày có lệnh trạng của Biện Lý .

Bị can, người phối ngẫu, cha mẹ hoặc con cái hay luật sư lúc nào cũng có thể nộp đơn xin Dự Thẩm cho tại ngoại các tội phạm dù là trọng tội hay khinh tội.

Văn phòng Dự Thẩm khi nhận đơn xin tại ngoại, phải thông tri ngay hồ sơ cho Biện Lý để kết luận,đồng thời báo bằng thư bảo đảm cho dân sự nguyên cáo để trình bày ý kiến.Biện Lý phải kết luận và hoàn lại hồ sơ cho phòng Dự Thẩm trong vòng ba (3) ngày.

Trễ lắm là năm (5) ngày, sau khi thông tri hồ sơ cho Biện lý, Dự Thẩm phải quyết định bằng án lệnh có viện dẫn lý do.

Nếu có dân sự nguyên cáo, Dự Thẩm chỉ có thể ký án lệnh bốn mươi tám (48) giờ sau khi thông báo đơn xin tự do tạm cho dân sự nguyên cáo.

Cũng có thể Dự Thẩm ký án lệnh cho bị can được tự do tạm sớm hơn kỳ hạn trên đây nếu đã nhận được sự ưng thuận minh thị của dân sự nguyên cáo.

Nếu Dự Thẩm không quyết định trong thời hạn dự liệu nơi khoản 3 trên đây, bị can có thể đệ đơn lên thẳng Phòng Luận Tội và cơ quan tài phán này, chiếu kết luận có viện dẫn lý do của Ông Chương Lý Phòng Luận Tội, sẽ phán quyết trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại; nếu không, Chánh Thẩm Phòng Luận Tội phải ký án lệnh cho bị can tự do tạm, trừ khi Phòng Luận Tội truyền thẩm vấn bổ túc nội vụ.

Biện Lý cũng có quyền yêu cầu Phòng Luận Tội xét xử trong những điều kiện như trên.

Điều 143 HSTT, Quyền thỉnh cầu xin tự do tạm của bị can.Trong bất cứ giai đoạn nào của thủ tục thẩm vấn, kể cả giai đoạn thượng tố, bị

can đều có thể xin tại tự do tạm. Dù cơ quan xét xử đã thụ lý vẫn có quyền cứu xét và quyết định cho bị can tự do tạm. Trước khi có án lệnh chuyển hồ sơ ra trước Tòa đại hình và trong khoảng thời gian giữa hai khóa đại hình, quyền cứu xét cho tự do tạm thuộc Phòng Luận Tội.

Trong trường hợp có thượng tố và cho đến khi có phúc quyết của Tối Cao Pháp Viện, quyền cho tự do tạm thuộc cơ quan tài phán xét xử vụ án sau cùng. Nếu phán quyết của tòa đại hình bị thượng tố, Phòng Luận Tội sẽ quyết định về đơn xin tự do tạm.

Nếu có quyết định vô thẩm quyền và nói chung trong mọi trường hợp không có cơ quan tài phán nào thụ lý, Phòng Luận Tội sẽ có quyền xét các đơn xin tự do tạm.

Đối với bị can ngoại kiều không bị giam hay đã được tự do tạm, nếu xét cần, Biện lý có thể chỉ định cho họ một nơi cư trú. Trước khi có lệnh miễn tố hay quyết định chung quyết, họ không thể rời bỏ nơi này nếu không được phép; bất tuân họ sẽ bị truy tố về tội vi phạm quyết định quản thúc dự liệu nơi bộ hình luật.

Khi cơ quan tài phán phải định đoạt và những trường hợp dự liệu nơi điều 143, các đương sự và luật sư sẽ được mời đến bằng thư bảo đảm. Quyết định sẽ được tuyên sau khi đã hoàn tất cuộc tranh luận giữa công tố viện, các đương sự hay luật sư. (Điều 144 HSTT)

Bị can đã bị giam do một thủ tục hình sự, sau lại được miễn tố hoặc tha bổng, khi phán quyết đã trở thành nhất định, có thể đứng nguyên đơn xin đòi bồi thường, nếu sự giam cầm oan ức quả có gây thiệt hại trầm trọng quá đáng cho đương sự. Nhưng tố quyền xin bồi thường phải được xử dụng trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày phán quyết miễn tố hoặc tha bổng trở thành nhất định. Bồi khoản dự liệu sẽ do ngân sách quốc gia đài thọ. Quốc gia được dành quyền đòi

bồi hoàn lại các phí tổn và khởi tố kẻ vu cáo hoặc kẻ làm chứng gian. (HSTT 152,153,154)

Để kết luận, chúng ta không thể không nhắc đến hậu quả của tính cách viên chức Cảnh sát Tư-pháp cao cấp của Dự Thẩm.

Với tư cách trên, Dự Thẩm được đặt dưới quyền kiểm soát của Chương-ly, mặc dầu với tính cách xử án. Dự Thẩm chỉ trực thuộc cấp chỉ huy ngành xử-án, chứ không trực thuộc Công-Tố-Viện.

Theo luật gia Marquiset (người Pháp) đã căn cứ vào quyền kháng cáo của Chương Lý đối với các án lệnh của Dự Thẩm để chủ trương rằng Dự Thẩm (Juge d'instruction) có hai nhiệm vụ :

a) Với tính cách viên chức cao cấp tư pháp cảnh sát, Dự Thẩm thâm thập, xem xét các chứng cứ và thành lập hồ sơ hình sự.

b) Với tính cách Thẩm phán, Dự Thẩm xét đoán bằng các án lệnh.

Một số tác giả khác như Mangin thì lại cho rằng sự phân biệt giữa hai tính cách viên chức cao cấp Tư-pháp Cảnh sát và Thẩm phán của Dự Thẩm chỉ thuộc về lý thuyết. Trong thực tế không có một tiêu chuẩn rõ rệt nào để có thể phân tách như vậy.

Tại Việt Nam điều 19 Dự số 4 ngày 18-10-1949 đã ấn định rõ rệt rằng: Chương Lý chỉ kiểm soát sự tiến hành công việc thẩm cứu mà thôi'. Như vậy, tính cách độc lập của Dự Thẩm được minh thị bảo đảm khỏi bị áp lực.

Theo ý kiến của người viết, đây có thể nói là một điểm son trong hệ thống pháp luật của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975./.

NGÔ VĂN TIỆP

Vào Thu 2018